

Số 09 /CV-HPD-2020
V/v: Công bố thông tin theo quy định

Gia Lai, ngày 15 tháng 02 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: Công ty CP thủy điện Đắk Đoa
 - Mã chứng khoán: HPD
 - Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng – P. Yên Thế - TP.Pleiku – Gia Lai
 - Điện thoại liên hệ: 02696 288 688 Fax: 02693 866 472
 - Email: thuydiendakdoa.th@yahoo.com
 - Loại công bố thông tin: Theo quy định.

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sau kiểm toán của Công ty cổ phần thủy điện Đắk Đoa.

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TH, Website.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Hùng

MỤC LỤC

1. Mục lục

2. Báo cáo của Tổng Giám đốc

3. Báo cáo kiểm toán độc lập

4. Bảng câu hỏi và câu trả lời

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

31 tháng 12 năm 2019

5. Báo cáo tài chính năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

6. Báo thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 34

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3903000141, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau:

- Lần thứ nhất ngày 24 tháng 3 năm 2008 về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.
- Lần thứ hai ngày 05 tháng 11 năm 2009 về việc thay đổi số đăng ký kinh doanh mới là số 5900419811 và thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.
- Lần thứ ba ngày 27 tháng 9 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi cổ đông góp vốn.
- Lần thứ tư ngày 17 tháng 5 năm 2017 về việc giảm vốn điều lệ của Công ty.

Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 31121000033 ngày 13 tháng 8 năm 2007 về việc thực hiện dự án đầu tư Thủy điện Đăk Đoa tại xã Đăk Sơ Mei và xã Đăk Roong, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai. Dự án của Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh sau:

- Lần thứ nhất ngày 21 tháng 01 năm 2009 về việc tăng công suất dự án và tăng tổng vốn đầu tư.
- Lần thứ hai ngày 30 tháng 12 năm 2010 về việc tăng diện tích đất sử dụng và tăng tổng vốn đầu tư.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại : (0269) 6 288 688
- Fax : (0269) 3 866 472

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Đầu tư các công trình thủy điện, nhiệt điện;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Đầu tư các khu đô thị, khu công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện;
- Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế công trình đường bộ; Thiết kế công trình ngầm và mô; Thiết kế cấp điện đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, công trình điện năng; Thiết kế cơ-điện công trình; Thiết kế kiến trúc, thiết kế quy hoạch, nội thất công trình, hạ tầng kỹ thuật;
- Khảo sát xây dựng; Giám sát thi công công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật công trình thủy điện; Lập quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các công trình dân dụng, công nghiệp và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Tư vấn quản lý dự án các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Tư vấn lập, thẩm định, đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Thẩm định thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A;

- Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Trồng cây cà phê.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Trần Văn Ngự	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2017
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2017
Ông Phạm Minh Ngọc	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Tuy	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2017
Ông Vi Giang Khu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Phan Ngọc Mạnh	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2017
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2017
Ông Trần Văn Thao	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2017

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty là Ông Phạm Văn Hùng (tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2017).

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Văn Hùng - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Pleiku, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Số: 3.0017/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 02 năm 2020, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Nha Trang



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Phan Thị Ngọc Trâm – Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0979-2018-008-1

Nguyễn Thị Kim Hồng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1513-2018-008-1

Nha Trang, ngày 14 tháng 02 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.351.610.565	21.096.190.036
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.299.089.956	7.651.263.115
1. Tiền	111		9.299.089.956	7.651.263.115
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.557.985.009	12.770.167.664
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	7.345.910.383	7.354.333.486
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	194.000.000	194.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	2.500.000.000	2.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	1.518.074.626	2.721.834.178
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		494.535.600	494.555.090
1. Hàng tồn kho	141	V.6	494.535.600	494.555.090
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	180.204.167
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	180.204.167
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		171.490.184.652	187.445.676.251
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.357.000.000	12.674.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4b	10.070.000.000	12.100.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	287.000.000	574.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		161.068.184.652	174.434.425.336
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	161.068.184.652	174.434.425.336
- Nguyên giá	222		283.237.943.314	283.151.579.678
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(122.169.758.662)	(108.717.154.342)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		65.000.000	65.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.8	65.000.000	65.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	272.250.915
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	272.250.915
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		193.841.795.217	208.541.866.287

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		90.196.255.238	104.142.207.034
I. Nợ ngắn hạn	310		18.196.255.238	20.142.207.034
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	135.721.738	135.721.738
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	200.000.000	200.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	2.893.571.458	3.818.475.377
4. Phải trả người lao động	314	V.12	408.531.113	690.534.487
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	786.763.636	985.178.636
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	940.183.225	1.304.314.180
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	12.000.000.000	12.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	831.484.068	1.007.982.616
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		72.000.000.000	84.000.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	72.000.000.000	84.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Phạm Văn Hưng
Nguyễn Tấn

Trần Văn Hùng
Nguyễn Tấn

Phạm Văn Hưng
Trần Văn Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		103.645.539.979	104.399.659.253
I. Vốn chủ sở hữu	410		103.645.539.979	104.399.659.253
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17	83.065.900.000	83.065.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.065.900.000	83.065.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.17a	11.775.087.729	11.775.087.729
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.17a	1.125.460.929	1.125.460.929
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17a	7.679.091.321	8.433.210.595
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		1.850.896.143	8.433.210.595
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		5.828.195.178	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		193.841.795.217	208.541.866.287

Nm

Trần Mạnh Đăng



Pleiku, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Phạm Thủy Nhung
Người lập

Trần Mạnh Đăng
Kế toán trưởng

Phạm Văn Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

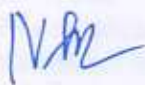
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	43.199.376.954	53.995.598.262
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		43.199.376.954	53.995.598.262
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	17.809.676.955	19.077.153.551
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.389.699.999	34.918.444.711
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	767.100.808	1.059.163.836
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.516.833.333	8.859.754.167
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.516.833.333	8.859.754.167
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.733.715.286	3.396.134.379
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.906.252.188	23.721.720.001
11. Thu nhập khác	31	VI.6	16.363.636	78.181.818
12. Chi phí khác	32	VI.7	24.509.301	26.557.317
13. Lợi nhuận khác	40		(8.145.665)	51.624.501
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.898.106.523	23.773.344.502
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	763.321.345	1.257.916.753
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.134.785.178	22.515.427.749
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.702	2.618
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.702	2.618



Phạm Thùy Nhung
Người lập



Trần Mạnh Đăng
Kế toán trưởng



Phạm Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Pleiku, ngày 14 tháng 02 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.898.106.523	23.773.344.502
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	13.452.604.320	13.497.673.970
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(767.100.808)	(1.059.163.836)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	8.516.833.333	8.859.754.167
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		36.100.443.368	45.071.608.803
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.261.053.239	(1.282.465.916)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	19.490	(22.256.917)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.091.928.415)	92.226.906
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		452.455.082	524.307.000
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.13, VI.4	(8.658.033.333)	(8.836.154.167)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.11	(1.216.197.178)	(1.124.481.990)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.16	(944.200.000)	(492.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.903.612.253	33.930.383.719
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7	(86.363.636)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	VII.1b	(9.900.000.000)	(34.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	VII.1b	11.930.000.000	42.478.906.943
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	5.230.224	975.629.235
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.948.866.588	9.054.536.178

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.15a	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.14a, V.17	(14.204.652.000)	(31.450.884.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(26.204.652.000)	(43.450.884.250)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.647.826.841	(465.964.353)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7.651.263.115	8.117.227.468
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	10.299.089.956	7.651.263.115

Pleiku, ngày 14 tháng 02 năm 2020



Phạm Thùy Nhung
Người lập



Trần Mạnh Đăng
Kế toán trưởng




Phạm Văn Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất điện thương phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2019 do sản lượng điện giảm mạnh dẫn đến doanh thu và lợi nhuận sau thuế giảm so với cùng kỳ năm trước.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 24 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 26 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Là Công ty và Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên hợp tác đầu tư đường dây 110 KV và phân chia chi phí dùng chung theo tỷ lệ công suất của từng nhà máy.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu kinh doanh điện thương phẩm

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Tổng công ty Điện lực miền Trung xác nhận và đơn giá qui định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

17. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.610.605.691	769.715.832
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.688.484.265	6.881.547.283
Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	-
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	1.000.000.000	-
Cộng	<u>10.299.089.956</u>	<u>7.651.263.115</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các khách hàng khác	<u>7.345.910.383</u>	<u>7.354.333.486</u>
Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	6.332.915.668	6.432.265.298
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Nguyên	896.664.963	854.068.188
Các khách hàng khác	116.329.752	68.000.000
Cộng	<u>7.345.910.383</u>	<u>7.354.333.486</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán khác	<u>194.000.000</u>	<u>194.000.000</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn LiGi	194.000.000	194.000.000
Cộng	<u>194.000.000</u>	<u>194.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu về cho vay

4a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long là bên liên quan vay với lãi suất 5,3%/năm, thời hạn vay dưới 12 tháng.

4b. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho Công ty Cổ phần Sông Đà 11 là bên liên quan vay với lãi suất 5,3%/năm, thời hạn vay trung và dài hạn.

5. Phải thu dài hạn/ngắn hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	1.140.540.662	-	378.670.078	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Tiền lãi cho vay	813.665.662	-	186.135.356	-
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long - Tiền lãi cho vay	326.875.000	-	192.534.722	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	377.533.964	-	2.343.164.100	-
Tạm ứng cho nhân viên	18.515.509	-	1.127.188.889	-
Phải thu Tổng Công ty Điện lực Miền Trung phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	904.767.000	-
Phải thu Tổng Công ty Điện lực Miền Trung 10% tiền góp vốn thực hiện đường dây (xem thuyết minh số V.6b)	287.000.000	-	287.000.000	-
Bảo hiểm xã hội phải thu nhân viên	8.901.042	-	9.903.194	-
Phải thu thuế TNCN	63.117.413	-	14.305.017	-
Cộng	1.518.074.626	-	2.721.834.178	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền phải thu lại theo “Biên bản thoả thuận về việc cam kết góp và hoàn trả vốn thực hiện chống quá tải đường dây 110kV Pleiku-Kontum”. Theo đó, Công ty đã góp 2.870.000.000 VND từ năm 2011 để Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (PC3) thực hiện đầu tư công trình chống quá tải đường dây 110kV Pleiku-Kontum và sau 6 tháng kể từ khi công trình hoàn thành đóng điện vận hành, số tiền này sẽ được PC3 hoàn trả trong 10 năm (mỗi năm 10% giá trị vốn đã góp).

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	490.835.600	-	490.855.090	-
Công cụ, dụng cụ	3.700.000	-	3.700.000	-
Cộng	494.535.600	-	494.555.090	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	160.830.486.568	121.301.675.472	937.811.290	81.606.348	283.151.579.678
Mua trong năm	-	86.363.636	-	-	86.363.636
Số cuối năm	160.830.486.568	121.388.039.108	937.811.290	81.606.348	283.237.943.314
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	937.811.290	81.606.348	1.019.417.638
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	46.290.089.012	61.407.647.692	937.811.290	81.606.348	108.717.154.342
Khấu hao trong năm	5.146.324.188	8.306.280.132	-	-	13.452.604.320
Số cuối năm	51.436.413.200	69.713.927.824	937.811.290	81.606.348	122.169.758.662

Giá trị còn lại

Số đầu năm	114.540.397.556	59.894.027.780	-	-	174.434.425.336
Số cuối năm	109.394.073.368	51.674.111.284	-	-	161.068.184.652

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Công trình nhà máy thủy điện Đăk Đoa có giá trị còn lại theo sổ sách là 160.700.096.424 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai (xem thuyết minh số V.15b) của Công ty và Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glei.

8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	65.000.000	-	65.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glei ⁽ⁱ⁾	65.000.000	-	65.000.000	-
Cộng	65.000.000	-	65.000.000	-

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101207604 ngày 10 tháng 5 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy Điện Đăk Glei 9.750.000.000 VND, tương đương 15% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 65.000.000 VND, tương đương 0,1% vốn điều lệ. Theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 212b/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 11 tháng 08 năm 2017 đã thay đổi cơ cấu góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Thủy Điện Đăk Glei chỉ còn 65 triệu đồng tương đương 0,1% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp 65.000.000 VND, tương đương 0,1% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty được đầu tư

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei đã phát điện từ cuối năm 2018.

Giao dịch với công ty được đầu tư

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên doanh.

Cam kết góp vốn

Theo các điều khoản trong Thỏa thuận hợp tác kinh doanh ký với Công ty Cổ phần Sông Đà 11 và Ông Nguyễn Tuấn Anh về việc thành lập Công ty Cổ phần Thủy Điện Đắk Glei để thực hiện dự án thủy điện Đắk Pru, Công ty cam kết sẽ góp 15% trong tổng vốn điều lệ của công ty này với số tiền là 9.750.000.000 VND. Tuy nhiên, theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 212b/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 11 tháng 08 năm 2017 đã thay đổi cơ cấu góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Thủy Điện Đắk Glei chỉ còn 65 triệu đồng tương đương 0,1% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp vốn điều lệ đủ theo cam kết.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

9a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>135.721.738</i>	<i>135.721.738</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành An	78.751.748	78.751.748
Chi nhánh Giám định VinaControl Quy Nhơn	36.900.000	36.900.000
Các nhà cung cấp khác	20.069.990	20.069.990
Cộng	135.721.738	135.721.738

9b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Khoản ứng trước tiền thiết kế công trình của Công ty Cổ phần Thủy điện Đức Nhân - ĐắkPsi.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.649.611.592	4.758.093.444	(4.734.679.863)	1.673.025.173
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.116.197.177	763.321.345	(1.216.197.178)	663.321.344
Thuế thu nhập cá nhân	278.199.550	449.460.301	(586.942.601)	140.717.250
Thuế tài nguyên	187.720.764	3.122.693.117	(3.132.240.164)	178.173.717
Thuế nhà đất	-	2.835.000	(2.835.000)	-
Tiền thuê đất	-	135.450.000	(135.450.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	586.746.294	1.894.825.584	(2.243.237.904)	238.333.974
- Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	169.527.750	678.111.000	(678.111.000)	169.527.750
- Phí dịch vụ môi trường rừng	417.218.544	1.213.714.584	(1.562.126.904)	68.806.224
- Lệ phí môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	3.818.475.377	11.126.678.791	(12.051.582.710)	2.893.571.458

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000033 ngày 13 tháng 8 năm 2007 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ dự án đầu tư nhà máy thủy điện với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Năm 2019 là năm thứ 9 được giảm 10% số thuế phải nộp từ khi dự án đi vào hoạt động và là năm thứ 5 Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.898.106.523	23.773.344.502
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	367.229.460	460.172.856
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	15.265.335.983	24.233.517.358
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	3.053.067.197	4.846.703.472
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(1.526.497.235)	(2.417.133.554)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(763.248.617)	(1.208.566.777)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung của các năm trước	-	36.913.612
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	763.321.345	1.257.916.753

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước nguồn với giá tính thuế là giá bán điện thương phẩm bình quân, thuế suất thuế tài nguyên là 5%.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 3.500 m² đất đang sử dụng làm văn phòng công ty với đơn giá thuê là 40.500 VND/m².

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phí dịch vụ môi trường rừng

Công ty phải nộp phí dịch vụ môi trường rừng cho hoạt động thủy điện với đơn giá là 36 VND/kWh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả cho người lao động.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>786.763.636</i>	<i>985.178.636</i>
Chi phí lãi vay phải trả	764.400.000	905.600.000
Chi phí tàu xe nghỉ phép	22.363.636	26.090.909
Chi phí phải trả khác	-	53.487.727
Cộng	786.763.636	985.178.636

14. Phải trả ngắn hạn khác

14a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>101.270.000</i>	<i>404.000.000</i>
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	101.270.000	404.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>838.913.225</i>	<i>900.314.180</i>
Kinh phí công đoàn	15.416.674	-
Cổ tức phải trả	810.602.000	894.051.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	12.894.551	6.263.180
Cộng	940.183.225	1.304.314.180

14b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

15. Vay

15a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b)</i>	<i>12.000.000.000</i>	<i>12.000.000.000</i>
Cộng	12.000.000.000	12.000.000.000

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	12.000.000.000
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	12.000.000.000
Số tiền vay đã trả	(12.000.000.000)
Số cuối năm	12.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	72.000.000.000	84.000.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱ⁾	72.000.000.000	84.000.000.000
Cộng	72.000.000.000	84.000.000.000

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai để tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp và hoàn vốn đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Đăk Đoa với lãi suất 7,2%/năm trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 8,4%/năm trong 12 tháng tiếp theo, sau đó điều chỉnh theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng cộng với mức biên là 2,80%/năm, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả 6 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 01 tháng 3 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp công trình nhà máy thủy điện Đăk Đoa (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	12.000.000.000	12.000.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	60.000.000.000	60.000.000.000
Trên 5 năm	12.000.000.000	24.000.000.000
Cộng	84.000.000.000	96.000.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	VND
Số đầu năm	84.000.000.000
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(12.000.000.000)
Số cuối năm	72.000.000.000

15c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	624.397.397	233.850.726	(315.100.000)	543.148.123
Quỹ phúc lợi	383.585.219	233.850.726	(329.100.000)	288.335.945
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	300.000.000	(300.000.000)	-
Cộng	1.007.982.616	767.701.452	(944.200.000)	831.484.068

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	83.065.900.000	11.775.087.729	1.125.460.929	18.145.739.639	114.112.188.297
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	22.515.427.749	22.515.427.749
Trích lập các quỹ	-	-	-	(662.914.793)	(662.914.793)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(31.565.042.000)	(31.565.042.000)
Số dư cuối năm trước	83.065.900.000	11.775.087.729	1.125.460.929	8.433.210.595	104.399.659.253
Số dư đầu năm nay	83.065.900.000	11.775.087.729	1.125.460.929	8.433.210.595	104.399.659.253
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	14.134.785.178	14.134.785.178
Trích lập các quỹ	-	-	-	(767.701.452)	(767.701.452)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	(14.121.203.000)	(14.121.203.000)
- Cổ tức năm 2018	-	-	-	(5.814.613.000)	(5.814.613.000)
- Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-	-	(8.306.590.000)	(8.306.590.000)
Số dư cuối năm nay	83.065.900.000	11.775.087.729	1.125.460.929	7.679.091.321	103.645.539.979

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	54.075.900.000	65,10%	54.075.900.000	-
Các cổ đông khác	28.990.000.000	34,90%	28.990.000.000	-
Cộng	83.065.900.000	100,00%	83.065.900.000	-

17c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.306.590	8.306.590
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.306.590	8.306.590
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.306.590	8.306.590

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019.NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2019 như sau:

	Số tiền (VND)
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 5.814.613.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 467.701.452
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành Cộng	: 300.000.000 <u>6.582.314.452</u>

Ngoài ra, Công ty cũng tạm ứng cổ tức năm 2019 cho các cổ đông với số tiền 8.306.590.000 VND theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 22/QĐ-HĐQT ngày 01 tháng 11 năm 2019.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện	43.047.470.795	53.723.101.991
Doanh thu khác	151.906.159	272.496.271
Cộng	<u>43.199.376.954</u>	<u>53.995.598.262</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện	17.657.770.796	18.804.657.280
Giá vốn khác	151.906.159	272.496.271
Cộng	<u>17.809.676.955</u>	<u>19.077.153.551</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.230.224	42.321.885
Lãi tiền cho vay	761.870.584	1.016.841.951
Cộng	<u>767.100.808</u>	<u>1.059.163.836</u>

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh trong năm.

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.050.694.666	1.296.803.640
Chi phí vật liệu quản lý	99.934.317	105.541.875
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	64.973.094
Thuế, phí và lệ phí	141.285.000	147.585.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	141.060.882	230.274.231
Các chi phí khác	1.300.740.421	1.550.956.539
Cộng	<u>2.733.715.286</u>	<u>3.396.134.379</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ bán phế liệu	-	61.818.182
Thu nhập từ cho thuê đất đặt trạm BTS	16.363.636	16.363.636
Cộng	<u>16.363.636</u>	<u>78.181.818</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chậm nộp các khoản thuế	8.155.460	9.672.856
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	353.841	884.461
Các chi phí khác	16.000.000	16.000.000
Cộng	<u>24.509.301</u>	<u>26.557.317</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.134.785.178	22.515.427.749
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(467.701.452)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	(300.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.134.785.178	21.747.726.297
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	8.306.590	8.306.590
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.702</u>	<u>2.618</u>

8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 2.711 VND xuống còn 2.618 VND.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	317.616.519	332.286.314
Chi phí nhân công	3.500.584.201	4.418.826.755
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.452.604.320	13.497.673.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	543.304.034	828.983.971
Chi phí khác	2.577.377.008	3.123.020.649
Cộng	<u>20.391.486.082</u>	<u>22.200.791.659</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.14a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	642.463.062	770.051.933
Thù lao	129.610.000	120.000.000
Cộng	<u>772.073.062</u>	<u>890.051.933</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 Thăng Long	Công ty có cùng công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 11		
Cổ tức phải trả	3.785.313.063	20.548.842.342
Công ty cho vay	9.900.000.000	34.400.000.000
Gốc vay đã trả	11.930.000.000	42.478.906.943
Lãi cho vay phải thu	627.530.306	884.376.673
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 Thăng Long		
Lãi cho vay phải thu	134.340.278	132.465.278

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5, V.6 và V.14a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất điện và trong một khu vực địa lý là tỉnh Gia Lai.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Khoản phải thu khách hàng của Công ty chủ yếu liên quan đến Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản phải thu khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty mẹ và công ty con trong cùng tập đoàn vay tiền. Đơn vị này có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	135.721.738	-	-	135.721.738
Vay và nợ	12.000.000.000	60.000.000.000	12.000.000.000	84.000.000.000
Các khoản phải trả khác	1.610.260.187	-	-	1.610.260.187
Cộng	13.745.981.925	60.000.000.000	12.000.000.000	85.745.981.925
Số đầu năm				
Phải trả người bán	135.721.738	-	-	135.721.738
Vay và nợ	12.000.000.000	60.000.000.000	24.000.000.000	96.000.000.000
Các khoản phải trả khác	1.885.492.816	-	-	1.885.492.816
Cộng	14.021.214.554	60.000.000.000	24.000.000.000	98.021.214.554

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất và giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp Công trình nhà máy thủy điện Đăk Đoa để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glai (xem thuyết minh số V.8). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 160.700.096.424 VND (số đầu năm là 167.286.909.796 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.299.089.956	-	7.651.263.115	-
Phải thu khách hàng	7.345.910.383	-	7.354.333.486	-
Các khoản cho vay	12.570.000.000	-	14.600.000.000	-
Các khoản phải thu khác	1.777.658.075	-	2.144.437.078	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	65.000.000	-	65.000.000	-
Cộng	31.057.658.414	-	31.815.033.679	-

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	135.721.738	135.721.738
Vay và nợ	84.000.000.000	96.000.000.000
Các khoản phải trả khác	1.610.260.187	1.885.492.816
Cộng	85.745.981.925	98.021.214.554

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



Phạm Thùy Nhung
Người lập biểu



Trần Mạnh Đăng
Kế toán trưởng



Pleiku, ngày 14 tháng 02 năm 2020



Phạm Văn Hùng
Tổng Giám đốc